

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 28/4/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:
Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST – HNGĐ ngày 16/4/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H - sinh ngày: 16/4/1986

Số CCCD: 038186xxxxxx

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố L, phường T, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Ông Hà Đức H1 - sinh ngày: 25/01/1986

Số CCCD: 038086xxxxxx

Địa chỉ: Thôn B, xã V, tỉnh T.

Tại phiên toà vắng mặt bà H và ông H1 (bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Đức H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh T) vào ngày 01/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó ông H1 phạm tội phải đi chấp hành án phạt tù, vì vợ chồng mâu thuẫn nên bà H cũng không biết ông H1 phạm tội gì, năm 2015 ông H1 chấp hành án xong.

Nhưng từ năm 2011 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông Hà Đức H1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Đức H1 có 01 con chung là Hà Gia L - sinh ngày: 27/9/2009 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu L ở cùng với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Bà H không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Vì từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, ông H1 không quan tâm đến con, không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà H. Hiện nay bà H đang làm công nhân giấy da tại tỉnh Đ, công việc và thu nhập ổn định, mức thu nhập bình quân là 11.000.000 đồng/tháng, nên bà H đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Về tài sản, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hà Đức H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của ông Hà Đức H1.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/3/2026, chính quyền địa phương xã V, tỉnh Thanh Hóa nơi ông H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Ông H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã V, tỉnh T. Hiện nay ông H1 đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà ở với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T tại thôn B vài hôm rồi lại đi. Chính quyền địa phương không nắm được ông H1 hiện nay làm nghề gì, ở đâu, thu nhập như thế nào. Về tình trạng hôn nhân, ông H1 và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh T) vào ngày 01/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhau được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Chỉ biết lâu nay bà H không sống tại thôn B nữa. Về con chung, ông H1 và bà H có 01 con chung tên là Hà Gia L, sinh ngày 27/9/2009, từ khi bà H không sinh sống ở thôn B nữa đã mang theo cháu L đi cùng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà H được ly hôn ông Hà Đức H1.

Giao con chung là cháu Hà Gia L, sinh ngày 27/9/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà H vì bà H không yêu cầu.

-Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Hà Đức H1 có hộ khẩu thường trú tại xã V, T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Ông Hà Đức H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ ông H1 cố tình trốn tránh. Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H1 không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông H1 là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Đức H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T (nay là UBND xã V, tỉnh T) vào ngày 01/7/2009. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2011, khi ông H1 phạm tội phải đi chấp hành án nhưng bà H cũng không biết và không quan tâm ông H1 đã phạm tội gì. Nay bà H xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H1 không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với ông H1. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện ông H1 không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hà Đức H1 đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Hà Đức H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Hà Đức H1 có 01 con chung tên là Hà Gia L - sinh ngày: 27/9/2009 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu L ở cùng với bà H, do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Bà H không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà vì bà đủ điều kiện để nuôi dưỡng con tốt. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 16/3/2026 cháu L có nguyện vọng được ở cùng mẹ là bà H

Xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Bà H có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu L ở cùng với bà H, được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu L đang ổn định tại tỉnh Đ. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần và có nguyện vọng ở cùng mẹ là bà H. Quá trình Toà án giải quyết vụ án, ông H1 không đến Toà án để làm việc và trình bày quan điểm, nguyện vọng về nuôi con. Nguyện vọng của bà H và cháu L là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Gia L đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Ông H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà H vì bà H không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Hà Đức H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Hà Đức H1.
2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Hà Gia L - sinh ngày 27/9/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Ông Hà Đức H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

2.3. Ông Hà Đức H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0001281 ngày 24/02/2026. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Ông Hà Đức H1 không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Hà Đức H1. Bà H, ông H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang